

Số: 247/2020/DS-PT

Ngày 26 - 8 - 2020

V/v yêu cầu mở đường cấp thoát
nước qua bất động sản liền kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 về “Yêu cầu mở đường nước qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955; Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh L (BB), sinh năm 1960; Địa chỉ: 246/42 đường H, phường 5, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Lê Văn T; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre (đã chết năm 2007).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

+ Bà Trần Thị Thanh T0, sinh năm 1970; Bà Trần Thị Thanh M, sinh năm 1980; Ông Trần Thanh H, sinh năm 1983; Bà Trần Thị Thanh T01, sinh năm 1989; Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1969; Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 22, ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1992 và bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

+ Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1958; Địa chỉ: đường T, quận T, Thành phố Cần Thơ.

+ Ông Trần Liêm B, sinh năm 1938, Ông Trần Thanh H, sinh năm 1972 và Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: 22 ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

+ Ông Lê Tấn H, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng N, Lê Thị Hồng Đ, Lê Thị Kim H, Lê Thị Kim P, Lê Tấn Đ, Trần Liêm B, Trần Thanh H, Trần Thị Thanh H).

Bà Đ, bà Bé T, bà P, bà L, ông H có mặt.

Bà T, ông V có xin xét xử vắng mặt.

Bà T0, bà M, ông H, bà T1, bà V vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Các nguyên đơn Bà Trần Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Bé T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung được tóm tắt như sau:

Phần đất thuộc các thửa 173, 175, 246, 247 của bà Nguyễn Thị Bé T; thửa 176, 248 của Bà Trần Thị Đ; thửa 172, 249, 250 của bà Nguyễn Thị P, tất cả các thửa đất này cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre. Các phần đất này nằm phía trong phần đất của Bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn T. Từ trước đến nay, các nguyên đơn sử dụng nguồn nước từ ngoài sông lớn

chảy vào con rạch công cộng giáp với phần đất liền của bà L, Bà T và đất của ông Lê Văn T (đã chết, hiện do ông Lê Tấn H và các con của ông T đang quản lý) để sinh hoạt và cấp thoát nước cho các phần đất vườn của các nguyên đơn.

Các nguyên đơn cho rằng, đường nước là rạch công cộng, hình thành trên 60 năm, con rạch này không nằm trong phần đất của bà L, ông V, Bà T, hay của ông T, ông H. Con rạch có chiều dài khoảng 150m, đầu ngoài con rạch là giáp sông lớn và có làm một mặt cống, chạy dài đến cuối con rạch là giáp với phần đất của Bà Đ. Tài liệu chứng cứ các nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là kết quả đo đạc ngày 20/8/2014 của địa chính xã và huyện xác định đó là rạch. Ngoài ra, ông Nguyễn Thành Đ là cán bộ địa phương cũng đã xác nhận đường nước là rạch công cộng. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu giải quyết trả con rạch lại bình thường như xưa để những hộ bên trong có nước chảy ra vào bình thường, để có nước tưới cây hàng ngày.

Hiện tại, lòng rạch có cắm các trụ đá xi măng, có cây mù u chết ngã ngang gây cản trở lưu thông nước làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn nước để tưới tiêu và sinh hoạt của các nguyên đơn, những khi nước kém thì nước không thể vào đến phần đất bên trong của các nguyên đơn được.

Các nguyên đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn đã nêu trong nội dung biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản ngày 18/11/2019, không có ý kiến gì khác.

Sau khi đo đạc thì con rạch công cộng mà nguyên đơn yêu cầu mở đường nước có diện tích như bản vẽ ngày 08/01/2020, sơ đồ mô tả kết quả đo đạc, yêu cầu của các nguyên đơn: Đối với đoạn rạch phía ngoài (diện tích như đã đo đạc), nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên hiện trạng, đảm bảo nước được thông thoáng, đoạn này có 01 trụ đá, yêu cầu được dọn trụ đá. Đối với đoạn rạch phía trong (diện tích như đo đạc) thì phía nguyên đơn yêu cầu các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dọn dẹp các trụ đá (03 trụ) nằm trong rạch công cộng này, tổng cộng 02 đoạn có 04 trụ đá, yêu cầu được dọn dẹp cây mù u nằm ngang, dọn dẹp cỏ rác, chà cây dưới rạch để nước được thông thoáng cấp nguồn nước cho việc sinh hoạt hàng ngày và tưới tiêu. Nguyên đơn xác định kiện ông V, bà L do ông V canh tác phần đất của bà L và có hành vi ngăn cản nước chảy, cắm trụ đá trên lòng rạch công cộng này. Không khởi kiện ông T, Bà T vì không qua đất của ông bà, rạch là công cộng nhưng đoạn này có các trụ đá của ông T, Bà T nên yêu cầu được dọn trụ đá. Không yêu cầu gì liên quan đường nước thuộc đất ông Ngoan và đoạn bên trong giáp đất các nguyên đơn, đoạn này nước vẫn cấp thoát bình thường. Không đồng ý trả giá trị cho các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì đường nước này là rạch công cộng. Chi phí tố tụng đã nộp tạm ứng trước đây thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định. Đối với cống bọng phía ngoài là

của nhà nước. Bọng này đảm bảo nước ra vào bình thường, yêu cầu không đập nắp bọng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Bé T thống nhất với ý kiến, yêu cầu của Bà Đ, không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà thừa nhận các thửa đất nêu trên của các nguyên đơn nằm phía trong phần đất của bà. Phần đất của bà thuộc thửa 538, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre. Phần đất này trước đây bà để cho ông V canh tác, hiện tại thì ông V đã giao đất này lại cho bà quản lý, canh tác nên ông V không liên quan nữa.

Phần đất này giáp ranh với phần đất của ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T. Bà L xác định đường nước mà các nguyên đơn có tranh chấp là mương ranh giữa đất của bà với đất của ông T, Bà T chứ không phải rạch công cộng.

Bà L đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản ngày 18/11/2019. Sau khi đo đạc thì đường nước có diện tích như kết quả đo đạc ngày 18/11/2019, gồm đoạn ngoài có tổng diện tích như kết bản mô tả, một phần thuộc đất của bà thửa 538, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, xã B. Hiện tại, đường nước được lưu thông bình thường, thông thoáng. Phía bà L đồng ý để các nguyên đơn được sử dụng đường nước thuộc đất của bà có kích thước tương ứng kích thước bọng ở ngoài (đặt trong đường bọng này giáp với sông (rạch) lớn, trên bản vẽ thể hiện giáp đường), đồng ý dọn cây mù u lên, dọn dẹp cỏ rác, chà trên đường nước, tuy nhiên, không cho các nguyên đơn mọc đất, dọn dẹp sát bờ vì sẽ gây sạt lở đất; các trụ đá là trụ ranh đất giữa các bên, không ngăn chặn dòng chảy gì cả nên không cho dọn dẹp. Bà không yêu cầu nguyên đơn bồi thường giá trị đường nước. Nếu nguyên đơn không đồng ý như trên thì yêu cầu nguyên đơn đặt bọng kéo dài hết chiều dài đường nước thuộc phần đất của bà để cấp thoát nước, không ảnh hưởng đến ai, bà sẽ hỗ trợ phụ đắp đất để đặt bọng.

Đối với cống bọng lắp đặt đầu ngoài, phía trên là đường đal để đi và phía ngoài giáp sông (rạch) lớn thì không có ai đập bọng ngăn chặn nước chảy vào trong, bọng này trước đây của ông Chơn lắp, sau này nhà nước cho đặt thêm bọng lớn hơn thì ông Chơn giao bọng này cho nhà nước quản lý luôn, bọng này hiện nay là bọng công cộng không ai tranh chấp. Bọng được mở đóng tùy lúc con nước và sinh hoạt cho phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Hồng Đ, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị Kim P, ông Lê Tấn Đ, ông Trần Liêm B, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh H là ông Lê Tấn H trình bày:

Ông H là con ruột của ông Lê Văn T (đã chết năm 2007). Ông H hiện tại đang sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 381, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông T để lại. Những anh chị em khác của ông H đã quản lý sử dụng những phần đất còn lại (thửa 355, 347, tờ bản đồ số 15) của ông T, giáp với đường nước hiện nay có tranh chấp.

Ông đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản ngày 18/11/2019. Phía ông và các anh em ông cũng có quan điểm như bị đơn, cũng đồng ý để các nguyên đơn được sử dụng đường nước thuộc đất của cha ông (là ông Lê Văn T) có diện tích như đã đo đạc. Các ông bà không yêu cầu nguyên đơn bồi thường giá trị đường nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang V có đơn xin vắng mặt, trước đây ông V trình bày:

Đối với đoạn đường nước thuộc đất của bà L thì đường nước này vẫn cấp thoát lưu thông. Ông đồng ý dọn cây mù u lên, dọn dẹp cỏ rác, chà trên đường nước, tuy nhiên, không cho nguyên đơn mố đất, dọn dẹp sát bờ vì sẽ gây sạt lở đất; các trụ đá là trụ ranh đất giữa các bên, không ngăn chặn dòng chảy gì cả nên không cho dọn dẹp. Ông không yêu cầu nguyên đơn bồi thường giá trị đường nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt, trước đây Bà T trình bày:

Đối với đoạn đường nước thuộc đất của Bà T thì đường nước này vẫn cấp thoát lưu thông. Bà đồng ý dọn cây mù u lên, dọn dẹp cỏ rác, chà trên đường nước, tuy nhiên, không cho nguyên đơn mố đất, dọn dẹp sát bờ vì sẽ gây sạt lở đất; các trụ đá là trụ ranh đất giữa các bên, không ngăn chặn dòng chảy gì cả nên không cho dọn dẹp. Bà không yêu cầu nguyên đơn bồi thường giá trị đường nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thanh T0, bà Trần Thị Thanh M, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh T01, bà Trần Thị Thanh V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với vụ kiện nên không có lời trình bày của các ông bà.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện L đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng các Điều 245, Điều 246, Điều 247, Điều 248, Điều 252, Điều 253 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, 166, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 166, 170, 171 của Luật đất đai; Áp dụng Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Các nguyên đơn là Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng đường nước để cấp thoát nước có tổng diện tích $457.5m^2$, gồm 02 đoạn: đoạn ngoài có diện tích $309.7m^2$, đoạn trong có tổng diện tích $147.8m^2$. Trong đó, thuộc đất của Bà Nguyễn Thị Thanh L gồm: một phần thửa đất số 538 tách 1 (diện tích $148.8m^2$) và thửa đất số 538 tách 2 (diện tích $10.1m^2$); thuộc đất của ông Lê Văn T gồm: thửa 381 tách (diện tích $155.9m^2$), thửa 355 tách 2 (diện tích $5.0m^2$), thửa 355 tách 1 (diện tích $35m^2$) và thửa 347 tách (diện tích $68.8m^2$); thuộc đất của bà Nguyễn Thị T gồm: thửa 537 tách (diện tích $33.9m^2$) (có họa đồ kèm theo).

Đồng thời, khi được sử dụng đường nước, phía nguyên đơn không được nạo vét, móc đất, không được làm ảnh hưởng đến việc quản lý sử dụng đất và phần đất của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật (so với diện tích hiện trạng theo bản vẽ).

Không chấp nhận yêu cầu dọn dẹp trụ đá của các nguyên đơn.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh L và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Văn T) là ông Lê Tấn H, bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Hồng Đ, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị Kim P, ông Lê Tấn Đ, ông Trần Liêm B, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh H, bà Trần Thị Thanh T0, bà Trần Thị Thanh M, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh T01, bà Trần Thị Thanh V có nghĩa vụ dọn dẹp cây mù u đã chết nằm ngang trên đường nước thuộc một phần đoạn phía trong (đoạn có tổng có diện tích $147.8m^2$) để khai thông đường nước (có họa đồ kèm theo).

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Văn T) là ông Lê Tấn H, bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Hồng Đ, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị Kim P, ông Lê Tấn Đ, ông Trần Liêm B, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh H, bà Trần Thị Thanh T0, bà Trần Thị Thanh M, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh T01, bà Trần Thị Thanh V có trách nhiệm dọn dẹp cây, cỏ rác trong đường nước để nước được lưu thông, cấp thoát bình thường.

Ghi nhận phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các nguyên đơn bồi thường giá trị quyền sử dụng đường nước nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/7/2020, bị đơn Bà Đ, bà P, bà Bé T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giải quyết đường nước là rạch công cộng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu giải quyết đường nước là rạch công cộng là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của các nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đường nước tranh chấp mà nguyên đơn cho rằng là rạch công cộng có tổng diện tích là 457.5m² gồm 02 đoạn:

- *Đoạn thứ nhất:* Có diện tích là 309.7m², thuộc một phần thửa đất số 538 tách 1 (diện tích: 148.8m²) của Bà Nguyễn Thị Thanh L; thửa 381 tách (diện tích 155.9m²) và thửa 355 tách 2 (diện tích 5.0m²) của ông Lê Văn T, cùng tờ bản đồ số 15, tại ấp T, xã B, huyện L.

Đoạn này giáp với đường, công bọng và sông lớn phía ngoài, nước vẫn được cấp thoát bình thường. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên hiện trạng để nước được thông thoáng vào bên trong, trụ đá thì yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dọn dẹp để thông thoáng.

- *Đoạn thứ hai:* Có diện tích là 147.8m², thuộc một phần thửa đất số 538 tách 2 (diện tích 10.1m²) của Bà Nguyễn Thị Thanh L; thửa 537 tách (diện tích 33.9m²)

của bà Nguyễn Thị T; thửa 355 tách 1 (diện tích 35m²) và thửa 347 tách (diện tích 68.8m²) của ông Lê Văn T, cùng tờ bản đồ số 15, tại ấp T, xã B, huyện L.

Hiện tại nước vẫn được cấp thoát, đối với đoạn này thì phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dọn các trụ đá nằm trong đoạn này, dọn dẹp cây mù u đắp ngang, dọn dẹp cỏ rác, chà cây để nước được thông thoáng cấp nguồn nước cho việc sinh hoạt hàng ngày và tưới tiêu.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của các nguyên đơn:

Theo hiện trạng và vị trí đường cấp thoát nước mà các đồng nguyên đơn yêu cầu thì đường cấp thoát nước kéo dài qua hết phần đất của ông T, Bà T, bà L là đến bọng thoát nước chung (bọng công cộng) của nhà nước quản lý ra đến sông lớn phía ngoài (họa đồ thể hiện đến Đường).

Các đồng nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định đường nước nêu trên đã hình thành từ lâu và các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều sử dụng đường nước này từ lâu. Ngoài lối cấp thoát nước gồm 02 đoạn nêu trên thì phía nguyên đơn không còn lối cấp thoát nước nào khác để sử dụng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nguyên đơn được sử dụng đường nước nêu trên, dọn cây mù u, cỏ rác trên đường nước, tháo dỡ các trụ đá, vì cho rằng đây là đường nước công cộng.

Theo kết quả xem xét thẩm định, thì hiện tại đường nước vẫn được cấp thoát bình thường, nước sạch đảm bảo cho việc sử dụng của các nguyên đơn và cả những hộ dân khác đang sinh sống bên trong. Đối với cống bọng phía ngoài không có ai ngăn chặn, cản trở nước chảy vào bên trong vì đây được xác định là bọng công cộng.

Bị đơn là bà L, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý cho nguyên đơn sử dụng đường nước kết quả thẩm định và đo đạc, đồng ý dọn dẹp cây mù u, dọn dẹp cỏ rác trên đường nước, không yêu cầu nguyên đơn bồi thường giá trị quyền sử dụng đường nước nên ghi nhận. Tuy nhiên, khi được sử dụng đường nước phía nguyên đơn không được làm ảnh hưởng đến việc quản lý sử dụng đất của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không được nạo vét, móc đất trên đường nước vì sẽ gây sạt lở đất.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dọn dẹp các trụ đá trên đường nước, xét thấy:

Trước đây, tại biên bản làm việc với ông Nguyễn Thành Đ thì ông Đông xác định đường nước này là rạch công cộng do ông thấy đường nước hình thành từ lâu. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2016 thì ông Đông xác định lại do ông không biết nên trước đây đã xác nhận đó là rạch công cộng, đường nước này có là rạch công cộng hay không thì ông không rõ.

Theo kết quả cung cấp thông tin ngày 09/01/2020 và bản mô tả hiện trạng sử dụng đất theo bản đồ địa chính chính quy của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì phần đường nước này là thuộc quyền sử dụng đất của Bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn T, đường nước này là mương ranh giữa các bên không phải là rạch công cộng, nên trụ đá là các trụ ranh giữa các bên, đồng thời các trụ đá này cũng không làm ảnh hưởng đến dòng chảy và việc cấp thoát nước vào các phần đất bên trong,

Các nguyên đơn cho rằng đường nước tranh chấp là rạch công cộng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là rạch công cộng, trong khi phần đường nước này bà L, ông T, Bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cắm trụ ranh giữa các bên, cơ quan chức năng cũng đã xác định trên bản đồ chính quy thể hiện ranh tiếp giáp các thửa đất, không thể hiện là rạch công cộng. Do đó, kháng cáo của các nguyên đơn là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, nhận thấy toàn bộ nội dung các đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Bé T là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 2.317.000đ, các nguyên đơn phải chịu và đã nộp xong.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ chịu án phí không có giá ngạch theo quy định. Bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên được miễn. Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Bé T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre như sau:

Áp dụng các Điều 245, Điều 246, Điều 247, Điều 248, Điều 252, Điều 253 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, 166, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 170, 171 của Luật đất đai; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Các nguyên đơn là Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị Bé T, bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng đường nước để cấp thoát nước có tổng diện tích 457.5m² gồm 02 đoạn: đoạn ngoài có diện tích 309.7m², đoạn trong có tổng diện tích 147.8m². Trong đó, thuộc đất của Bà Nguyễn Thị Thanh L gồm: một phần thửa đất số 538 tách 1 (diện tích: 148.8m²) và thửa đất số 538 tách 2 (diện tích 10.1m²); thuộc đất của ông Lê Văn T gồm: thửa 381 tách (diện tích 155.9m²), thửa 355 tách 2 (diện tích 5.0m²), thửa 355 tách 1 (diện tích 35m²) và thửa 347 tách (diện tích 68.8m²); thuộc đất của bà Nguyễn Thị T gồm: thửa 537 tách (diện tích 33.9m²). (có họa đồ kèm theo).

Đồng thời khi được sử dụng đường nước phía nguyên đơn không được nạo vét, mố đất, không được làm ảnh hưởng đến việc quản lý sử dụng đất và phần đất của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật (so với diện tích hiện trạng theo bản vẽ).

2. Không chấp nhận yêu cầu dọn dẹp trụ đá của các nguyên đơn.

3. Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh L và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Văn T) là ông Lê Tấn H, bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Hồng Đ, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị Kim P, ông Lê Tấn Đ, ông Trần Liêm B, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh H, bà Trần Thị Thanh T0, bà Trần Thị Thanh M, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh T01, bà Trần Thị Thanh V có nghĩa vụ dọn dẹp cây mù u đã chết nằm ngang trên đường nước thuộc một phần đoạn phía trong (đoạn có tổng có diện tích 147.8m²) để khai thông đường nước (có họa đồ kèm theo).

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Văn T) là ông Lê Tấn H, bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Hồng Đ, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị Kim P, ông Lê Tấn Đ, ông Trần Liêm B, ông

Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh H, bà Trần Thị Thanh T0, bà Trần Thị Thanh M, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh T01, bà Trần Thị Thanh V có trách nhiệm dọn dẹp cây, cỏ rác trong đường nước để nước được lưu thông, cấp thoát bình thường.

4. Ghi nhận phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các nguyên đơn bồi thường giá trị quyền sử dụng đường nước nêu trên.

5. Về chi phí tố tụng (chi phí thu thập chứng cứ, xem xét thẩm tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản): Các nguyên đơn phải chịu là 2.317.000đ (hai triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng), các nguyên đơn đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị Thanh L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000đồng nhưng do Bà T, bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Văn T) là ông Lê Tấn H, bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Hồng Đ, bà Lê Thị Kim H, bà Lê Thị Kim P, ông Lê Tấn Đ, ông Trần Liêm B, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh H, bà Trần Thị Thanh T0, bà Trần Thị Thanh M, ông Trần Thanh H, bà Trần Thị Thanh T01, bà Trần Thị Thanh V liên đới chịu án phí với số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho các nguyên đơn Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Bé T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000đồng/người theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002985, 002986, 002987 ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên được miễn. Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011298 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương